

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

40-TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	40.01.02	Toán	31.000	Nhất	12	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
2	40.01.03	Toán	25.500	Nhì	11	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
3	40.01.04	Toán	21.500	Nhì	12	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
4	40.01.05	Toán	16.000	K.Khích	12	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
5	40.01.06	Toán	14.500	K.Khích	11	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
6	40.01.07	Toán	18.500	Ba	11	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
7	40.01.09	Toán	14.000	K.Khích	11	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
8	40.01.10	Toán	21.500	Nhì	12	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
9	40.02.01	Vật lí	10.750	K.Khích	12	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
10	40.02.02	Vật lí	14.500	K.Khích	11	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
11	40.02.03	Vật lí	18.250	Ba	12	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
12	40.02.05	Vật lí	13.000	K.Khích	12	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
13	40.02.07	Vật lí	11.250	K.Khích	11	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
14	40.02.08	Vật lí	16.500	Ba	12	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
15	40.02.10	Vật lí	17.000	Ba	12	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
16	40.03.02	Hoá học	19.875	Ba	11	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
17	40.03.04	Hoá học	18.750	Ba	12	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
18	40.03.08	Hoá học	14.875	K.Khích	12	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
19	40.03.09	Hoá học	26.375	Nhì	12	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
20	40.03.10	Hoá học	15.250	K.Khích	12	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
21	40.04.03	Sinh học	19.500	K.Khích	11	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
22	40.04.04	Sinh học	18.000	K.Khích	11	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
23	40.04.07	Sinh học	22.250	Ba	12	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
24	40.04.06	Sinh học	19.500	K.Khích	11	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
25	40.04.08	Sinh học	19.250	K.Khích	11	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
26	40.04.10	Sinh học	19.750	K.Khích	12	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
27	40.05.02	Tin học	19.331	Ba	12	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
28	40.05.07	Tin học	17.498	Ba	10	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

40-TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
29	40.05.09	Tin học	19.710	Ba	12	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
30	40.05.10	Tin học	15.170	K.Khích	12	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
31	40.06.01	Ngữ văn	13.000	Ba	11	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
32	40.06.02	Ngữ văn	14.000	Nhì	11	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
33	40.06.03	Ngữ văn	12.750	Ba	12	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
34	40.06.04	Ngữ văn	13.000	Ba	11	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
35	40.06.05	Ngữ văn	12.500	K.Khích	11	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
36	40.06.06	Ngữ văn	14.000	Nhì	11	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
37	40.06.08	Ngữ văn	13.750	Nhì	12	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
38	40.06.09	Ngữ văn	13.000	Ba	11	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
39	40.06.10	Ngữ văn	13.500	Nhì	11	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh

Danh sách này gồm 39 thí sinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI TRONG KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Công văn số 92/QLCL-QLT, ngày 19 tháng 01 năm 2026)

40-TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Số TT	Số báo danh	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng Điểm	Giải	Trường (THPT)
1	40.09.02	Tiếng Anh	4.20	3.30	5	1	13.500	K.Khích	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
2	40.09.03	Tiếng Anh	3.40	3.50	5.10	1.30	13.300	K.Khích	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh
3	40.09.05	Tiếng Anh	3.50	3.40	4.50	1.30	12.700	K.Khích	THPT Chuyên - Trường Đại học Vinh

Danh sách này gồm 3 thí sinh